TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LỘ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2024/HS-ST
Ngày 31- 10- 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Vinh

2. Bà Trần Thị Thúy Sâm

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Quốc V**, tên gọi khác: T, sinh ngày 07/8/1990 tại tỉnh Quảng Trị; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố E, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện tại: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: nhân viên bảo vệ tại Công ty TNHH T4; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1946 và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1946; vợ: Nguyễn Thị V1, sinh năm 2003, có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân:

+ Ngày 28/4/2008 bị Công an phường Đ, thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự tại khu vực dân cư, số tiền phạt 60.000 đồng, đã nộp phạt ngày 13/5/2008;

+ Ngày 28/4/2008 bị Công an phường Đ, thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi phá hoại tài sản, số tiền phạt 100.000 đồng, đã nộp phạt ngày 13/5/2008;

+ Ngày 16/3/2011 bị Công an phường Đ, thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, số tiền phạt 750.000 đồng, đã nộp phạt ngày 25/3/2011;

+ Ngày 04/01/2013 bị Công an phường Đ, thành phố Đ xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, số tiền phạt 750.000 đồng, đã chấp hành nộp phạt ngày 04/01/2013.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2024 cho đến nay tại Nhà tạm

giữ Công an huyện C, tỉnh Quảng Trị; có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê T2**, tên gọi khác: Cu B; sinh ngày 15/3/1995 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố D, phường Đ, Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: công nhân tại Công ty TNHH T4; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định được; con bà Lê Thị C, sinh năm 1969, trú tại: Khu phố D, phường Đ, Đ, tỉnh Quảng Trị; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Quảng Trị; có mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Văn D**, tên gọi khác: V2, sinh ngày 09/4/1990 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: công nhân tại Công ty TNHH T4; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D1, sinh năm 1965, con bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1968 (đã chết); vợ là Lê Thị Quỳnh N, sinh năm 1996 (đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm 2015; nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Quảng Trị; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 ngày 15/6/2024, tại Công ty TNHH T4, thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, Phạm Quốc V, Trần Văn D, Lê T2 uống bia cùng với các công nhân trong công ty. Khoảng 21 giờ 00 cùng ngày, sau khi nhậu xong, V thấy D chuẩn bị về nhà nên nói "Muộn rồi ở lại chơi rồi mai làm việc luôn", D đồng ý. V ra ngoài giải quyết công việc. Khoảng 15 phút sau, V về công ty thấy D nằm ở võng, lúc này V nảy sinh ý định sử dụng trái phép chất ma túy nên đến gần D nói “Chơi không, chơi thì vào đây làm hơi”, tức là rủ D sử dụng ma túy, rồi V đi vào phòng T2 đang ngủ, D đi ngay phía sau. Khi vào phòng, D nói: “Cho xin góp 100, vài bữa có tiền trả sau”, tức là Diễn muốn góp tiền mua ma túy với số tiền là 100.000 đồng để cùng sử dụng, sau này có sẽ trả cho V, V đồng ý. Lúc này, V đã có sẵn ma túy giấu bên trong túi quần nên nói với D có ma túy đây rồi. V lấy từ túi quần ra một gói ni long trong suốt bên trong có 11 viên ma túy và một gói ni long màu xanh đậm bên trong có 59 viên ma túy loại hồng phiến. Đây là số ma túy V mua của người đàn ông tên Cu B1, ở Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị vào đầu tháng 6/2024, số lượng khoảng gần 100 viên, đã sử dụng một phần. Vĩnh bỏ túi nilong trong suốt trên phản gỗ và bỏ túi ni long màu xanh đậm vào lại trong túi quần. Lúc này, T2 tỉnh dậy thì D bảo “Làm cho mấy cái máng”, T2 hiểu làm máng để sử dụng ma túy nên lấy máy lửa ga của T2 chỉnh ngọn lửa nhỏ lại để sử dụng ma túy. V lấy gói ni long trong suốt đổ 11 viên ma túy ra bàn tay phải, bỏ số ma túy này lên trên phản gổ. T2 lấy giấy kẽm từ bao thuốc lá của V, xé thành 02 miếng nhỏ, dùng máy lửa hơ cháy hết phần giấy trên giấy kẽm, làm được 02 cái máng. V lấy vỏ chai nước ngọt bằng nhựa, lấy máy lửa ga châm 01 điếu thuốc, dùng điếu thuốc đục 01 lỗ trên thân chai nhựa, lấy 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng quấn thành ống nhét vào lổ chai làm ống hút. Sau khi làm xong máng kẽm, T2 cầm ly nhựa ra ngoài lấy

nước lọc đem vào bỏ trên phản gỗ. V lấy gói ni long màu xanh đậm chứa ma túy ra xem rồi kẹp ở chân phải ngồi trên phản gỗ. Lúc này, D bảo T2 làm thêm 01 cái máng kẽm nên T2 xé thêm 01 miếng giấy kẽm làm thêm 01 cái máng sử dụng ma túy. V bảo T2 ra đóng cổng công ty lại. V lấy ly nước đổ vào chai nhựa có ống hút rồi lấy 04 viên ma túy loại hồng phiến bỏ lên 02 máng ở trên phản gỗ (mỗi máng đựng 02 viên) để V và D sử dụng, máng còn lại V để cho T2 tự lấy. V dùng bật lửa hơ 02 cái máng đang chứa ma túy để cho 02 viên ma túy trên mỗi máng chảy ra, bám dính trên máng, dùng tay phải cầm chai nước đặt ở đầu gối chân phải, miệng đặt vào miệng chai nước, dùng tay phải cầm máng đựng 02 viên ma túy, tay trái cầm máy lửa, đốt ma túy hút. Sau khi Vĩnh hút một hơi xong, T2 đi vào lại phòng, ngồi trên phản gỗ bên phải V. V bỏ máng ma túy xuống phản gỗ, đưa chai nước cho D cầm, V cầm máng đựng 02 viên ma túy (chưa sử dụng), dùng máy lửa đốt ma túy cho D hút, rồi đặt máng ma túy, máy lửa xuống phản gỗ. Diễn đưa chai nước cho T2, T2 lấy 02 viên ma túy bỏ lên máng thứ 03, dùng chai nước, máng, máy lửa đốt sử dụng ma túy. Sử dụng xong 01 hơi ma túy, T2 bỏ máng kẽm, máy lửa xuống phản gỗ, bỏ chai nước trên nền nhà, rồi ra ngoài vệ sinh. Lần thứ hai, V, D sử dụng ma túy với cách thức tương tự như trên. Khoảng 21 giờ 50 cùng ngày khi V đang hút hơi ma túy thứ ba thì bị Công an bắt quả tang V và D, còn T2 bị bắt giữ ở trước nhà vệ sinh. Do bất ngờ, hoảng sợ nên V vùng vẫy làm rơi 05 viên ma túy còn lại trên phản gỗ xuống nền nhà, rơi túi ni lông màu xanh chứa nhiều viên ma túy phía sau cửa chính ra vào phòng. Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với V, D, T2 cùng các tang vật, dụng cụ liên quan.

Tại Bản kết luận giám định số 745/KL-KTHS ngày 21/6/2024 của phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận:

- 59 viên nén màu hồng hình trụ tròn, trên bề mặt mỗi viên nén có chữ "WY" gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng mẫu là: 5,4945gam;

- 05 viên nén màu hồng hình trụ tròn, gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng mẫu là: 0,4439gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIC, STT 247 Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Tại Bản kết luận giám định số 761/KL-KTHS ngày 28/6/2024 của phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: Tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine trên bề mặt các mẫu vật.

Tại Biên bản xét nghiệm và phiếu xét nghiệm chất ma túy ngày 15/6/2023 của Công an xã C, huyện C đối với Phạm Quốc V, Lê T2 và Trần Văn D dương tính với Methamphetamine;

Bản cáo trạng số 37/CT-VKSCL ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Phạm Quốc V, Lê T2, Trần Văn D tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự; Phạm Quốc V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Quốc V, Lê T2, Trần Văn D phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; Phạm Quốc Vĩnh tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy";

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Quốc V: từ 7 năm 06 tháng đến 08 năm tù; Lê T2 và Trần Văn D: từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 xử phạt bị cáo Phạm Quốc V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Trả lại cho 03 bị cáo 03 điện thoại di động đã thu giữ vì không liên quan đến vụ án. Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và các vật dụng dùng vào việc sử dụng ma túy. Số tiền 5000 đồng tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ đã truy tố. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội làm lại cuộc đời, sống có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Do có nhu cầu sử dụng ma túy, ngày 15/6/2024, tại công ty TNHH T4, thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, Phạm Quốc V đã có hành vi khởi xướng, rủ rê, cung cấp 11 viên ma túy cho Lê T2, Trần Văn D và chuẩn bị các dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy; Lê T2 là người trực tiếp làm 03 cái máng, làm máy lửa, lấy nước lọc để sử dụng trái phép chất ma túy; Trần Văn D khi được Phạm Quốc V rủ sử dụng trái phép chất ma túy đã xin góp tiền mua ma túy, bảo Lê T2 làm 03 cái máng để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Tại kết luận giám định của phòng K1 Công an tỉnh Q đã kết luận số ma túy các bị cáo sử dụng là loại Methamphetamine, là chất ma túy nằm trong danh mục II C, STT 247 Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Do đó, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma tuý, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn nên cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo. Trong đó, vị trí, vai trò của bị cáo Phạm Quốc V là cao nhất, đến các bị cáo D và T2.

Khi công an xã C bắt quả tang các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, còn phát hiện bị cáo Phạm Quốc V cất giấu phía sau cửa chính ra vào một gói ni long màu xanh đậm bên trong có 59 viên ma túy. Phòng K1 Công an tỉnh Q đã kết luận số ma túy này là loại Methamphetamine, có tổng khối lượng: 5,4945gam. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Quốc V cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Đối với tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3.2] Đối với tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo Phạm Quốc V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự khai ra vị trí số ma túy mà bị cáo tàng trữ nên thuộc trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3.3] Ngoài ra, bị cáo V là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vợ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và đang mang thai; có ông nội, bà nội và bà ngoại là người có công với cách mạng; ông ngoại là liệt sỹ. Các bị cáo Trần Văn D, Lê T2 có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn; Lê T2 đã tham gia nghĩa vụ quân sự; Trần Văn D đang cấp dưỡng nuôi con nhỏ, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội: các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe của con người nhưng không tu chí làm ăn mà sa vào con đường nghiện ngập, sử dụng ma tuý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, phòng ngừa chung. Trong đó, đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo V có mức cao hơn bị cáo T2, D. Đối với tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" do bị cáo V có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, nên áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo V dưới khung hình phạt cũng đủ để răn đe, đồng thời giáo dục, cải tạo bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và tài sản liên quan đến vụ án, quá trình điều tra đã thu giữ:

[5.1] 01 điện thoại OPPO F5, màn hình cảm ứng màu đen, bên trong có gắn 01 sim Viettel số thuê bao: 0345912030; 01 điện thoại IPHONE 7 PLUS, màn hình cảm ứng màu đen, bên trong có gắn 01 sim Vinaphone số thuê bao: 0949218428; 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY A73 5G, màn hình cảm ứng màu xám, bên trong có gắn 02 sim, sim 1 loại sim Vinaphone: số thuê bao 0825924445, sim 2 loại sim Viettel: số thuê bao 0362252634 là các tài sản của các bị cáo nhưng không sử dụng vào việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho các bị cáo.

[5.2] Số ma túy còn lại sau giám định và các vật dụng kèm theo được niêm phong trong 01 (một) Túi niêm phong có mã số QT-S745, được hoàn trả lại sau giám định, bên trong có: Mẫu được niêm phong trong túi niêm phong có

mã số PS3 2145034 còn lại: 50 viên nén màu hồng có khối lượng 4,6484g và chất bột màu hồng có khối lượng: 0,7831g. Mẫu được niêm phong trong túi niêm phong có mã số PS3 2145035 còn lại: chất bột màu hồng có khối lượng: 0,3884g, bao gói còn lại sau giám định; 01 (một) túi niêm phong ký hiệu QT-S 761 được hoàn trả sau giám định, bên trong gồm: 03 (ba) mảnh giấy kẽm, được cho vào một túi ni lon trong suốt, dán kín và bao gói sau giám định, là các vật chứng cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng, áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[5.3] 01 (một) bật lửa gas bằng nhựa màu đỏ, trên thân có chữ, số "555 VIP Hoa Việt"; 01(một) chai nhựa trong suốt không có nắp, không có nhãn hiệu, 01(một) tờ giấy bạc mệnh giá 5.000đ (năm nghìn đồng) có số seri JX 8133214; 01(một) túi nilon màu xanh miệng túi có viền màu đỏ, là những vật chứng không có giá trị sử dụng nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy. Riêng 01 tờ giấy bạc mệnh giá 5.000 đồng tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Quốc V (T) phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* và *"Tàng trữ trái phép chất ma túy".* Các bị cáo Lê T2 (C), Trần Văn D (Vầm) phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quốc V: 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".*

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quốc V: 01 (một) năm tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Quốc V phải chấp hành hình phạt: 08 (Tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 16/6/2024.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê T2: 07 (B2) năm tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 16/6/2024.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn D: 07 (B2) năm tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 16/6/2024.

5. Về xử lý vật chứng và tài sản liên quan đến vụ án: áp dụng điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định và các vật dụng kèm theo được niêm phong trong 01 (một) Túi niêm phong có mã số QT-S745, được hoàn trả lại sau giám định, bên trong có: Mẫu được niêm phong trong túi niêm phong có mã số PS3 2145034 còn lại: 50 viên nén màu hồng có khối lượng 4,6484g và chất bột màu hồng có khối lượng: 0,7831g. Mẫu được niêm phong trong túi niêm phong có mã số PS3 2145035 còn lại: chất bột màu hồng có khối lượng: 0,3884g, bao gói còn lại sau giám định; 01 (một) túi niêm phong ký hiệu QT-S 761 được hoàn trả sau giám định, bên trong gồm: 03 (ba) mảnh giấy kẽm, được cho vào một túi ni lon trong suốt, dán kín và bao gói sau giám định; 01(một) bật lửa gas bằng nhựa màu đỏ, trên thân có chữ, số "555 VIP Hoa Việt", kích thước 7,5x02x1,1cm; 01(một) chai nhựa trong suốt không có nắp, không có nhãn hiệu, cổ chai có vòng nhựa màu xanh, dài 21,5cm, đường kính miệng chai là 2,3cm, đường kính đáy chai là 06cm; tại vị trí cách đáy chai nhựa 05cm, phần thân chai nhựa có 01(một) lỗ tròn đường kính 0,7cm, tại lỗ tròn này có 01(một) tờ giấy bạc mệnh giá 5.000đ (năm nghìn đồng) có số seri JX 8133214, được cuộn tròn gắn vào lỗ trên thân chai từ ngoài vào trong; 01(một) túi nilon màu xanh miệng túi có viền màu đỏ, trạng thái đóng, kích thước 8,8x6,4cm. Được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu mã số PS1 043960, dán kín miệng túi bằng băng keo chuyên dụng, bên ngoài có hình dấu của Phòng K1 - Công an tỉnh Q. Được hoàn lại sau giám định;

- Trả lại cho bị cáo Phạm Quốc V 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY A73 5G, màn hình cảm ứng màu xám, số seri: R5CT41550GN, số Imei 1: 352828291486494, Imei 2: 354462611486493, bên trong có gắn 02 sim, sim 1 loại sim Vinaphone: số thuê bao 0825924445, trên thẻ sim này có dảy số: 89840200011437567454, sim 2 loại sim Viettel: số thuê bao 0362252634, trên thẻ sim này có dảy số: 8984048000022499825;

- Trả lại cho bị cáo Lê T2: 01 điện thoại OPPO F5, màn hình cảm ứng màu đen, số seri: Q4FISCPZA65HKZQ8, số Imei 1: 866566031827879, Imei 2: 866566031827861, bên trong có gắn 01 sim Viettel số thuê bao: 0345912030, trên thẻ sim có dảy số: 8984048000044700883;

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn D: 01 điện thoại IPHONE 7 PLUS, màn hình cảm ứng màu đen, số seri: C39SP362HG00, số I: 359175077751961. Bên trong có gắn 01 sim Vinaphone số thuê bao: 0949218428, trên thẻ sim có dảy số: 89840200010892505363;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.000 đồng (Năm nghìn đồng).

(Các vật chứng trên có tại Chi cục THADS huyện C theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/10/2024).

6. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS Cam Lộ;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quý